

**CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY  
CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT  
CHO GIAI ĐOẠN TỪ 01/01/2019 ĐẾN 30/06/2019**

---

*Tháng 8 năm 2019*

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Tạ Hữu Diễn	Chủ tịch	Từ ngày 25/4/2019
	Phó Chủ tịch	Đến ngày 25/4/2019
Ông Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch	Đến ngày 25/4/2019
Ông Mai Thanh Phương	Phó Chủ tịch	Từ ngày 25/4/2019
Ông Võ Văn Phúc	Thành viên	
Ông Phan Quốc Hiếu	Thành viên	Đến ngày 25/4/2019
Ông Phạm Ngọc Quốc Cường	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019
Ông Ưông Huy Đông	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban	Đến ngày 25/7/2019
	Thành viên	Từ ngày 25/7/2019
Bà Vũ Thị Hải Yến	Trưởng Ban	Từ ngày 25/7/2019
	Thành viên	Đến ngày 25/4/2019
Ông Triệu Tuyên	Thành viên	Từ ngày 25/4/2019

#### **Ban Tổng Giám đốc điều hành**

Ông Võ Văn Phúc	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Công Bình	Phó Tổng Giám đốc	Đến ngày 10/6/2019, đã nghỉ hưu
Ông Phạm Duy Tuyên	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Kiều Nghị	Phó Tổng Giám đốc	

#### **Kế toán trưởng**

Ông Lê Đình Sơn	Trưởng phòng tài chính - kế toán
-----------------	----------------------------------

### **CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 của Công ty.

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (UHY LTD).

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong giai đoạn này. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Võ Văn Phúc**

**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019



Số: 373/2019/UHY-BCSX

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tổng công ty Công trình Đường sắt

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12/8/2019, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại ngày 30/06/2019, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập bổ sung dự phòng công nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn với giá trị lần lượt là 1,3 tỷ đồng và 16,9 tỷ đồng. Khoản dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn được ước tính dựa trên Báo cáo tài chính quý 2 của các Công ty con chưa được soát xét hay kiểm toán. Nếu Công ty thực hiện đầy đủ việc trích lập dự phòng thì khoản mục “Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi” trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/06/2019 sẽ tăng lên giá trị 1,3 tỷ đồng; khoản mục “Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn” tăng lên 16,9 tỷ đồng. Đồng thời, trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” và chỉ tiêu “Chi phí tài chính” tăng lần lượt là 1,3 tỷ đồng và 16,9 tỷ đồng; chỉ tiêu “Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” sẽ cùng giảm đi với giá trị là 18,2 tỷ đồng.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt tại ngày 30/06/2019 và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh tại phần 1.5 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính, trong 6 tháng đầu năm 2019, Công ty đã thông qua chủ trương về việc bán một số tài sản có giá trị lớn.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 34 - Giao dịch quan trọng, theo Nghị quyết số 12/NQ-HDQT-CTĐS ngày 07/03/2019 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt, việc bán Khách sạn Quang Phú tại số 379 đường Trương Pháp, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình của Công ty với giá bán là 95 tỷ đồng (đã bao gồm thuế GTGT) đã được thông qua và giao dịch đã được hoàn thành.

Các vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên không ảnh hưởng đến kết luận kiểm toán đã trình bày.



**Nguyễn Thị Phương Thảo**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0933-2018-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>252.458.560.585</b>	<b>227.532.434.818</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	5.900.041.759	1.904.789.575
Tiền	111		5.900.041.759	1.904.789.575
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.415.752.954	81.716.650.481
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	65.590.760.047	79.539.397.701
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	24.159.812.682	13.262.369.782
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	5.418.238.963	5.667.941.736
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	10	(16.753.058.738)	(16.753.058.738)
Hàng tồn kho	140	11	144.330.551.273	116.060.892.082
Hàng tồn kho	141		144.330.551.273	116.060.892.082
Tài sản ngắn hạn khác	150		23.812.214.599	27.850.102.680
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	1.624.311.225	901.582.712
Thuế GTGT được khấu trừ	152		21.496.188.500	26.529.130.957
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	691.714.874	419.389.011
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>270.463.096.254</b>	<b>361.377.166.011</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	39.799.497	39.799.497
Phải thu dài hạn khác	216	9	3.482.929.978	3.482.929.978
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10	(3.522.729.475)	(3.522.729.475)
Tài sản cố định	220		85.063.458.136	173.525.497.782
Tài sản cố định hữu hình	221	12	80.751.630.784	169.157.712.096
- Nguyên giá	222		229.301.326.641	321.971.072.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.549.695.857)	(152.813.360.593)
Tài sản cố định vô hình	227	13	4.311.827.352	4.367.785.686
- Nguyên giá	228		4.862.375.400	4.862.375.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(550.548.048)	(494.589.714)
Bất động sản đầu tư	230	14	3.525.518.146	3.573.812.914
- Nguyên giá	231		5.686.065.091	5.686.065.091
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.160.546.945)	(2.112.252.177)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	180.213.134.351	180.213.134.351
Đầu tư vào công ty con	251		251.161.360.000	251.161.360.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		100.000.000	100.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	254		(71.048.225.649)	(71.048.225.649)
Tài sản dài hạn khác	260		1.660.985.621	4.064.720.964
Chi phí trả trước dài hạn	261	8	1.660.985.621	4.064.720.964
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>522.921.656.839</b>	<b>588.909.600.829</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>320.055.979.865</b>	<b>373.635.664.092</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>302.339.934.830</b>	<b>321.162.114.695</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	65.340.792.174	92.090.938.397
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	21.230.356.719	21.995.590.845
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	1.650.592.766	863.206.730
Phải trả người lao động	314		572.176.800	1.478.629.886
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	7.350.747.274	641.790.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	27.496.288.849	21.766.842.913
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	178.619.853.422	181.579.639.098
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		79.126.826	745.476.826
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>17.716.045.035</b>	<b>52.473.549.397</b>
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		17.601.545.035	19.337.061.397
Phải trả dài hạn khác	337	20	114.500.000	125.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	33.010.988.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>202.865.676.974</b>	<b>215.273.936.737</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>202.865.676.974</b>	<b>215.273.936.737</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		154.573.830.000	154.573.830.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		154.573.830.000	154.573.830.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		25.766.666.079	25.766.666.079
Quỹ đầu tư phát triển	418		137.680.581.234	137.680.581.234
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(115.155.400.339)	(102.747.140.576)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(102.747.140.576)	(21.102.467.499)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(12.408.259.763)	(81.644.673.077)
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>522.921.656.839</b>	<b>588.909.600.829</b>



**Võ Văn Phúc**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

**Lê Đình Sơn**  
Kế toán trưởng

**Trương Thị Thanh Hương**  
Người lập



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
			đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
			VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>23</b>	<b>49.290.972.600</b>	<b>52.531.602.773</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>49.290.972.600</b>	<b>52.531.602.773</b>
Giá vốn hàng bán	11	24	42.245.702.974	39.642.540.300
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>7.045.269.626</b>	<b>12.889.062.473</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.372.736.410	10.535.005.733
Chi phí tài chính	22	26	9.424.768.188	12.364.107.117
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		9.424.768.188	12.245.629.222
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	13.016.127.485	14.976.600.710
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>(14.022.889.637)</b>	<b>(3.916.639.621)</b>
Thu nhập khác	31	27	2.071.833.961	9.227.818
Chi phí khác	32	28	457.204.087	27.205.034
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>1.614.629.874</b>	<b>(17.977.216)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>(12.408.259.763)</b>	<b>(3.934.616.837)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>(12.408.259.763)</b>	<b>(3.934.616.837)</b>



**Võ Văn Phúc**  
**Tổng Giám đốc**

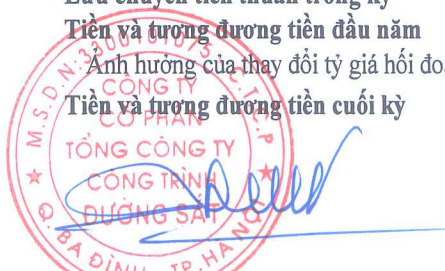
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

**Lê Đình Sơn**  
**Kế toán trưởng**

**Trương Thị Thanh Hương**  
**Người lập**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	(12.408.259.763)	(3.934.616.837)
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.365.135.875	4.933.150.169
Lãi/lỗ hoạt động đầu tư	05	(2.727.462.644)	(10.535.005.733)
Chi phí lãi vay	06	9.424.768.188	12.245.629.222
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>	<b>08</b>	<b>(1.345.818.344)</b>	<b>2.709.156.821</b>
<b>lưu động</b>			
Tăng/giảm các khoản phải thu	09	8.333.839.984	33.277.559.786
Tăng/giảm hàng tồn kho	10	(28.269.659.191)	(21.402.589)
Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.602.560.551)	(35.483.817.868)
Tăng/giảm chi phí trả trước	12	(272.265.988)	(1.005.380.893)
Tiền lãi vay đã trả	14	(9.424.768.188)	(12.245.629.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(272.325.863)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	223.085.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(666.350.000)	(2.720.802.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(49.519.908.141)</b>	<b>(15.267.230.965)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(1.448.893.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	88.113.197.591	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	17.500.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.372.736.410	10.746.160.288
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>89.485.934.001</b>	<b>26.797.267.288</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	90.745.330.283	117.516.397.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(126.716.103.959)	(128.432.565.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(898.432.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(35.970.773.676)</b>	<b>(11.814.600.500)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>3.995.252.184</b>	<b>(284.564.177)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>1.904.789.575</b>	<b>1.652.791.580</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>5.900.041.759</b>	<b>1.368.227.403</b>



**Võ Văn Phúc**  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

**Lê Đình Sơn**  
Kế toán trưởng

**Trương Thị Thanh Hương**  
Người lập



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước - Công ty Công trình Đường sắt trực thuộc Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam theo Quyết định số 3745/QĐ-BGTVT ngày 07/12/2004 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0103008002, cấp lần đầu ngày 25/05/2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần thứ 18 ngày 12/06/2019 với mã số Doanh nghiệp mới là 3300101075.

Công ty có trụ sở chính đặt tại tòa nhà số 33, đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 25/11/2016, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành Quyết định số 778/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty Cổ phần Công trình Đường sắt tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Tên chứng khoán: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt;
- Mã chứng khoán: RCC;
- Mệnh giá: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;
- Số lượng cổ phiếu đăng ký: 15.457.383 cổ phiếu (Mười lăm triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn ba trăm tám mươi ba cổ phiếu);
- Giá trị cổ phiếu đăng ký: 154.573.830.000 đồng (Một trăm năm mươi tư tỷ, năm trăm bảy mươi ba triệu, tám trăm ba mươi nghìn đồng);
- Hình thức đăng ký: Ghi sổ.

#### 1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau bao gồm:

- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Thi công các công trình thông tin, tín hiệu, điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ. Chi tiết:
  - + Sản xuất các sản phẩm bê tông;
  - + Sản xuất bê tông đúc sẵn, ống, cột bê tông, cọc bê tông cốt thép.
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện. Chi tiết: Sản xuất, chế biến sản phẩm từ gỗ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết:
  - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị ngành giao thông vận tải;
  - + Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, phụ kiện chuyên dùng của ngành đường sắt.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết:
  - + Xuất nhập khẩu: dầu nhớt, mỡ máy, than, hạt nhựa và các sản phẩm của nhựa;
  - + Mua bán nhiên liệu khác dùng trong động cơ (ga hóa lỏng);
  - + Mua bán các chất bôi trơn, làm sạch động cơ.
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Xuất nhập khẩu sắt, thép các loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH (TIẾP)**

- + Xuất nhập khẩu vật liệu xây dựng;
- + Mua bán vật liệu xây dựng.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết:
  - + Mua, bán hàng hóa phế phẩm và phế liệu (trừ phế liệu Nhà nước cấm);
  - + Xuất nhập khẩu sản phẩm bê tông;
  - + Xuất nhập khẩu sản phẩm gỗ (trừ các loại gỗ Nhà nước cấm);
  - + Mua bán phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế ngành giao thông vận tải và công nghiệp.
- Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (từ hoạt động thể thao). Chi tiết: Dịch vụ xông hơi, xoa bóp, vật lý trị liệu (không bao gồm day ấn huyệt và xông hơi bằng thuốc y học cổ truyền);
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Kinh doanh du lịch lữ hành nội địa, quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke);
- Vận tải hành khách và đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách theo hợp đồng;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại. Chi tiết: Sản xuất các cấu kiện thép: dầm cầu thép, khung nhà, rèn, dập, ép, cắt tạo thành sản phẩm;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ.

**1.3 CHU KỲ KINH DOANH**

Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường 12 tháng.

**1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP**

Công ty có 01 đơn vị hạch toán trực thuộc: Chi nhánh Công ty CP Tổng Công ty Công trình Đường sắt - Khách sạn Quang Phú (đã hoàn thành thủ tục bán vào ngày 24/05/2019).

Công ty có 11 Công ty con bao gồm:

STT	Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỉ lệ vốn góp	Tỉ lệ quyền biểu quyết	Tỉ lệ lợi ích
1	Công ty Cổ phần Công trình 791	Số 144, Nguyễn Trường Tộ, Phường Đông Vinh, Thành phố Vinh, Nghệ An	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	66,87%	66,87%	66,87%
2	Công ty Cổ phần Công trình 792	Số 122 đường Hữu Nghị - Phường Nam Lý - Thành phố Đồng Hới - Quảng Bình	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	68,57%	68,57%	68,57%
3	Công ty Cổ phần Công trình 793	Số 292 Lê Duẩn, Khu phố 3 - Phường Đông Lễ - Thành phố Đông Hà - Quảng Trị	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	63,01%	63,01%	63,01%
4	Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	249/1 Quốc lộ 1A, Tờ 4, Khu phố 2 - phường Tân Thới Hiệp - Quận 12 - TP Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	97,80%	97,80%	97,80%
5	Công ty Cổ phần Công trình 798	Phường Nam lý - Thành phố Đồng Hới - Quảng Bình	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	60,81%	60,81%	60,81%
6	Công ty Cổ phần Công trình 875	59 Nguyễn Văn Cừ - Phường Hoà Hiệp Bắc - Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	60,38%	60,38%	60,38%
7	Công ty Cổ phần CK&XD công trình 878	31 Lý Đạo Thành, tổ 12 - Phường Phú Bài - Thị xã Hương Thủy - Thừa Thiên - Huế	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	61,34%	61,34%	61,34%
8	Công ty Cổ phần công trình 879	20 Bảo Quốc - Phường Phường Đức - Thành phố Huế - Thừa Thiên - Huế	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	67,95%	67,95%	67,95%
9	Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	29 Đường Số 19, Phường 10, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét	87,87%	87,87%	87,87%
10	Công ty TNHH XNK và Dịch vụ Tổng hợp	Tầng 5, số 31, Đường Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, TP Hà Nội	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động	100%	100%	100%
11	Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	61 Nguyễn Văn Cừ - Phường Hoà Hiệp Bắc - Quận Liên Chiểu - Đà Nẵng	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	100%	100%	100%



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện bán Khách sạn Quang Phú, số 379 đường Trương Pháp, xã Quang Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tuấn Phúc kể từ ngày 24/05/2019.

Ngoài ra, Công ty đã thông qua chủ trương về việc bán một số tài sản có giá trị lớn như:

- Bán nhà số 22 ngõ 371 đường Kim Mã, TP Hà Nội,
- Bán đất Trảng Bom tại ấp Hưng Long, xã Hưng Thịnh, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Xử lý bán một số vật tư, thiết bị hư hỏng hoặc không có nhu cầu sử dụng lâu dài;
- Bán Mỏ đá Minh Cầm thuộc Công ty Cổ phần đá Hoàng Mai - Nghệ An.

**1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 là số liệu trên Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước đã được soát xét và số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán và hoàn toàn có thể so sánh được.

**1.7 NHÂN VIÊN**

Số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Công ty tại ngày 30/6/2019 là 47 người, tại ngày 30/06/2018 là 67 người.

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**2.1 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 năm hàng năm. Báo cáo này tài chính này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

**2.1 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách chuẩn mực và chế độ kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**3.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hợp cộng số liệu trong Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty Cổ phần Tổng Công ty Công trình Đường sắt - Xí nghiệp Khách sạn Quang Phú. Trong Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện loại trừ các giao dịch và số dư giữa Công ty và đơn vị hạch toán phụ thuộc.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 3.2. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 4.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 4.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản có tính thanh khoản cao là các khoản có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc chuyển đổi giá trị của các khoản này.

#### 4.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

*Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết*

*Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

*Công ty liên kết*

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 4.3 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

#### 4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ và dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 4.5 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Đối với hàng tồn kho là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, chủ yếu là các công trình xây dựng dở dang chưa được xác định doanh thu. Các khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này được tập hợp trên cơ sở các chi phí trực tiếp tại các công trình. Giá trị xây lắp dở dang xác định dựa trên kết quả kiểm kê thực tế tại hiện trường để xác định khối lượng thực hiện, đồng thời dựa trên đơn giá của hợp đồng để làm căn cứ xác định khối lượng xây lắp dở dang của kỳ kế toán.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm các chi phí sau:

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

##### *Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

#### 4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá tương ứng, không điều chỉnh lại chi phí khấu hao đã trích mà chỉ điều chỉnh mức khấu hao tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản cố định.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Nhóm tài sản cố định	Thời gian sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý và TSCĐ khác	05

#### 4.8 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là bất động sản được Công ty sử dụng với mục đích cho thuê hoạt động. Bất động sản đầu tư được ghi nhận trên cơ sở giá gốc, theo nguyên giá và hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê của Công ty là tòa nhà số 33 Láng Hạ, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 60 năm.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 4.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm phát sinh.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất có thời hạn tại Trảng Bom - Đồng Nai, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 32 năm.

#### 4.10 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### 4.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- (ii) Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- (iii) Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 4.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

##### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

##### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### 4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Cụ thể như sau:

##### *Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp các giao dịch về cung cấp dịch vụ lên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

### 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)

#### 4.13 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)

Doanh thu hoạt động xây lắp được ghi nhận theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định đáng tin cậy căn cứ vào biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành, phiếu giá đã thống nhất với khách hàng và được khách hàng xác nhận phản ánh trên hóa đơn tài chính đã lập và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

#### Doanh thu hoạt động tài chính:

Lãi tiền gửi, tiền cho vay được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi, tiền cho vay và lãi suất áp dụng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lợi nhuận được chia hàng năm (nếu có) từ các công ty con, công ty liên doanh, liên kết mà Công ty tham gia góp vốn, lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Chi phí được ghi nhận theo nguyên tắc thận trọng, được tập hợp theo thực tế phát sinh, phù hợp với doanh thu và kỳ kế toán hiện hành. Chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng kỳ kế toán.

#### 4.14 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

#### 4.15 THUẾ

Thuế GTGT đầu vào được hạch toán theo phương pháp khấu trừ.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)**

**4.15 THUẾ (TIẾP)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực được áp dụng là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4.16 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	188.210.276	65.479.310
Tiền gửi ngân hàng	5.711.831.483	1.839.310.265
	<u>5.900.041.759</u>	<u>1.904.789.575</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>65.590.760.047</b>	<b>79.539.397.701</b>
- Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 - Công ty Cổ phần	8.289.858.145	8.289.858.145
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Giao thông Quảng Trị	10.822.598.000	16.769.352.000
- Công ty HH Tập đoàn Cục 6 Đường sắt Trung Quốc	8.180.678.552	8.180.678.552
- Ban quản lý Dự án Đường sắt	15.676.367.480	15.676.367.480
- Các đối tượng khác	22.621.257.870	30.623.141.524
<b>Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	<b>39.799.497</b>	<b>39.799.497</b>
- Công ty Cổ phần 471	39.799.497	39.799.497
	<b>65.630.559.544</b>	<b>79.579.197.198</b>
<b>Trong đó phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>3.955.044.782</b>	<b>5.233.758.735</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 875	841.091.713	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	2.598.022.469	4.007.360.645
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	243.317.600	-
- Công ty Cổ phần Công trình 791	272.613.000	1.226.398.090

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>		
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	9.421.616.112	5.650.416.112
- Công ty Cổ phần Công trình 791	2.140.172.200	3.921.000.000
- Công ty Cổ phần Cầu đường Nghệ An	780.576.314	780.576.314
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng hợp	-	955.633.746
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Kỹ thuật	1.712.271.000	1.712.271.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	7.470.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	355.375.490	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	2.279.801.566	242.472.610
	<b>24.159.812.682</b>	<b>13.262.369.782</b>
<b>Trong đó trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>	<b>19.387.163.802</b>	<b>10.527.049.858</b>
- Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	9.421.616.112	5.650.416.112
- Công ty Cổ phần Công trình 791	2.140.172.200	3.921.000.000
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	7.470.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	355.375.490	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng hợp	-	955.633.746

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.624.311.225</b>	<b>901.582.712</b>
- Giá trị còn lại của Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	180.994.110	410.807.319
- Chi phí bảo hiểm thiết bị	16.021.211	40.025.393
- Chi phí thuê đất	1.376.087.571	-
- Chi phí tiền lãi vay vốn Cán bộ công nhân viên	51.208.333	450.750.000
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.660.985.621</b>	<b>4.064.720.964</b>
- Chi phí tiền thuê đất Nhà trạm 76	847.634.048	865.668.815
- Thiết bị dụng cụ văn phòng chờ phân bổ	339.207.255	666.214.522
- Sửa chữa xà lan Trường Thành 88	474.144.318	568.973.182
- Công cụ dụng cụ khách sạn Quang Phú	-	1.963.864.445
	<b>3.285.296.846</b>	<b>4.966.303.676</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**9. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.418.238.963</b>	<b>(1.267.590.000)</b>	<b>5.667.941.736</b>	<b>(1.267.590.000)</b>
- Tạm ứng	177.631.994	-	380.328.227	-
- Kinh phí công đoàn	21.148.068	-	208.542.260	-
- Bảo hiểm xã hội	3.184.080	-	2.428.892	-
- Phải thu khác	5.216.274.821	(1.267.590.000)	5.076.642.357	(1.267.590.000)
+ Phải thu cổ tức Công ty Con	2.315.143.096	-	2.315.143.096	-
+ Phải thu cổ tức Công ty CP Đầu tư phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	875.000.000	-	875.000.000	-
+ Công ty TNHH TNXP Trường Sơn	1.000.000.000	(1.000.000.000)	1.000.000.000	(1.000.000.000)
+ Phải thu tiền Ray Áo của Đường sắt Việt Nam bán cho Công ty Hà Hải	395.634.163	-	395.634.163	-
+ Ban quản lý Dự án Đường sắt Khu vực I	50.000.000	(50.000.000)	50.000.000	(50.000.000)
+ Chi phí dự án Hạ Long Cái Lân	217.590.000	(217.590.000)	217.590.000	(217.590.000)
+ Các khoản phải thu ngắn hạn khác	362.907.562	-	223.275.098	-
<b>Dài hạn</b>	<b>3.482.929.978</b>	<b>(3.482.929.978)</b>	<b>3.482.929.978</b>	<b>(3.482.929.978)</b>
- Chi phí Ban quản lý Dự án 31 Láng Hạ	1.782.929.978	(1.782.929.978)	1.782.929.978	(1.782.929.978)
- Công ty CP Đầu tư thương mại và Xây dựng Bắc Hà	1.700.000.000	(1.700.000.000)	1.700.000.000	(1.700.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>8.901.168.941</b>	<b>(4.750.519.978)</b>	<b>9.150.871.714</b>	<b>(4.750.519.978)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**  
Số 33 - Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**10. NỢ XẤU**

	30/06/2019		01/01/2019		
	Thời gian quá hạn Năm	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu, cho vay quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>					
+ Công ty CP Cầu đường Nghệ An	Trên 3 năm	780.576.314	-	780.576.314	-
+ Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Hưng Thịnh	Trên 3 năm	180.000.000	-	180.000.000	-
+ Tổng Công ty Xây dựng công trình giao thông 1 - Công ty Cổ phần	Trên 3 năm	8.289.858.145	-	8.289.858.145	-
+ Ban Quản lý dự án 31 Láng Hạ	Trên 3 năm	1.782.929.978	-	1.782.929.978	-
+ Công ty CP Đầu tư Thương mại và Xây dựng Bắc Hà	Trên 3 năm	1.700.000.000	-	1.700.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng và Tư vấn Kỹ Thuật	Trên 3 năm	1.712.271.000	-	1.712.271.000	-
+ Công ty TNHH MTV Tổng đội TNXP Trường Sơn	Trên 3 năm	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
+ Công ty CP Xây dựng Nền móng Sông Đà Thăng Long Miền Nam	trên 3 năm	301.576.000	-	301.576.000	-
+ Công ty Cổ phần Công trình 6	trên 3 năm	3.324.424.641	-	3.324.424.641	-
+ Công ty Cổ phần giao thông 471	trên 3 năm	39.799.497	-	39.799.497	-
+ Công ty Cổ phần Hương Thủy	trên 3 năm	13.999.401	-	13.999.401	-
+ Công ty Cổ phần Xây dựng công trình và Đầu tư 120	trên 3 năm	1.327.265	-	1.327.265	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình 3	trên 2 năm	154.660.043	-	154.660.043	-
+ Doanh nghiệp tư nhân Vũ Phương	trên 3 năm	18.750.000	-	18.750.000	-
+ Ban Quản lý dự án Đường sắt Khu vực 1	trên 3 năm	50.000.000	-	50.000.000	-
+ Ban Điều hành dự án Gói 9 cầu CV1; CV2	trên 3 năm	217.590.000	-	217.590.000	-
+ Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.105.804.574	3.397.778.645	4.105.804.574	3.397.778.645
<b>Cộng</b>		<b>23.673.566.858</b>	<b>3.397.778.645</b>	<b>23.673.566.858</b>	<b>3.397.778.645</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**11. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	38.681.775.283	-	38.879.966.596	-
Công cụ, dụng cụ	12.933.292.876	-	12.933.747.421	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	91.180.210.944	-	62.711.905.895	-
Hàng hóa	1.535.272.170	-	1.535.272.170	-
<b>Cộng</b>	<b>144.330.551.273</b>	-	<b>116.060.892.082</b>	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	125.967.666.131	165.691.770.930	29.328.809.702	982.825.926	321.971.072.689
- Mua trong kỳ	-	-	660.000.000	-	660.000.000
- Phân loại lại	-	-	-	152.500.000	152.500.000
- Thanh lý, nhượng bán	(75.411.344.323)	(14.742.612.553)	(3.175.789.172)	-	(93.329.746.048)
- Phân loại lại	-	(152.500.000)	-	-	(152.500.000)
<b>30/06/2019</b>	<b>50.556.321.808</b>	<b>150.796.658.377</b>	<b>26.813.020.530</b>	<b>1.135.325.926</b>	<b>229.301.326.641</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	24.390.801.146	104.581.468.209	23.033.488.861	807.602.377	152.813.360.593
- Khấu hao trong kỳ	971.538.587	3.049.933.377	301.461.666	32.332.676	4.355.266.306
- Phân loại lại	-	-	-	94.383.533	94.383.533
- Thanh lý, nhượng bán	(2.017.968.546)	(3.391.985.468)	(3.208.977.028)	-	(8.618.931.042)
- Phân loại lại	-	(94.383.533)	-	-	(94.383.533)
<b>30/06/2019</b>	<b>23.344.371.187</b>	<b>104.145.032.585</b>	<b>20.125.973.499</b>	<b>934.318.586</b>	<b>148.549.695.857</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	101.576.864.985	61.110.302.721	6.295.320.841	175.223.549	169.157.712.096
30/06/2019	27.211.950.621	46.651.625.792	6.687.047.031	201.007.340	80.751.630.784

Nguyên giá TSCĐ đã hết khấu hao còn sử dụng tại ngày 30/06/2019 là 48.022.317.269 đồng;

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/06/2019 là 55.458.502.846 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Khoản mục	Quyền	Cộng
	sử dụng đất	
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2019	4.862.375.400	4.862.375.400
30/06/2019	<u>4.862.375.400</u>	<u>4.862.375.400</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2019	494.589.714	494.589.714
- Khấu hao trong kỳ	55.958.334	55.958.334
30/06/2019	<u>550.548.048</u>	<u>550.548.048</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2019	<u>4.367.785.686</u>	<u>4.367.785.686</u>
30/06/2019	<u>4.311.827.352</u>	<u>4.311.827.352</u>

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

Khoản mục	01/01/2019 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	30/06/2019 VND
<b>Nguyên giá</b>	<b>5.686.065.091</b>	-	-	<b>5.686.065.091</b>
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	5.686.065.091	-	-	5.686.065.091
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	<b>2.112.252.177</b>	<b>48.294.768</b>	-	<b>2.160.546.945</b>
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	2.112.252.177	48.294.768	-	2.160.546.945
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>3.573.812.914</b>	-	<b>48.294.768</b>	<b>3.525.518.146</b>
+ Nhà - Tòa nhà số 33 Láng Hạ	3.573.812.914	-	48.294.768	3.525.518.146

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngày 30/06/2019 là 3.525.518.146 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**  
Số 33 - Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>251.261.360.000</b>	<b>(71.048.225.649)</b>	<b>268.761.360.000</b>	<b>(71.048.225.649)</b>
Đầu tư vào Công ty con	251.161.360.000	(71.048.225.649)	251.161.360.000	(71.048.225.649)
+ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng Hợp	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	16.771.500.000	(529.143.080)	16.771.500.000	(529.143.080)
+ Công ty Cổ phần Công trình 791	21.431.680.000	(6.524.217.611)	21.431.680.000	(6.524.217.611)
+ Công ty Cổ phần Công trình 792	24.000.000.000	(2.446.714.142)	24.000.000.000	(2.446.714.142)
+ Công ty Cổ phần Công trình 793	22.999.930.000	(1.709.974.225)	22.999.930.000	(1.709.974.225)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	24.450.000.000	(19.572.718.628)	24.450.000.000	(19.572.718.628)
+ Công ty Cổ phần Công trình 798	23.107.600.000	(7.684.183.627)	23.107.600.000	(7.684.183.627)
+ Công ty Cổ phần Công trình 875	26.499.700.000	(8.891.078.319)	26.499.700.000	(8.891.078.319)
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	27.600.950.000	(20.720.224.392)	27.600.950.000	(20.720.224.392)
+ Công ty Cổ phần Công trình 879	24.800.000.000	(2.969.971.624)	24.800.000.000	(2.969.971.624)
+ Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	33.500.000.000	-	33.500.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	-	-	17.500.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Đô thị Đường sắt	-	-	17.500.000.000	-
Đầu tư vào Đơn vị khác	100.000.000	-	100.000.000	-
+ Cổ phiếu tại Công ty CP Vật tư Đường sắt Sài Gòn	100.000.000	-	100.000.000	-

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào Công ty con được tính theo tỷ lệ ích của Công ty trong tổng số lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 của Công ty con.

(\*) Các khoản đầu tư này chưa xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TCT CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG SẮT**  
Số 33 - Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho giai đoạn từ 01/01/2019 đến 30/06/2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>65.340.792.174</b>	<b>65.340.792.174</b>	<b>92.090.938.397</b>	<b>92.090.938.397</b>
- Tổng Công ty Đường sắt Việt Nam	28.373.376.820	28.373.376.820	30.373.376.820	30.373.376.820
- Công ty Cổ phần Công trình 6	400.000.000	400.000.000	968.668.800	968.668.800
- Công ty Cổ phần Công trình 792	13.492.714.069	13.492.714.069	16.818.483.711	16.818.483.711
- Công ty Cổ phần Công trình 798	6.020.616.073	6.020.616.073	1.390.015.066	1.390.015.066
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng hợp	1.479.191.674	1.479.191.674	4.481.737.496	4.481.737.496
- Công ty Cổ phần đường sắt Thuận Hải	2.100.000.000	2.100.000.000	2.520.726.000	2.520.726.000
- Công ty Cổ phần Công trình 879	8.350.816.180	8.350.816.180	9.929.126.322	9.929.126.322
- Các đối tượng khác	5.124.077.358	5.124.077.358	25.608.804.182	25.608.804.182
<b>Cộng</b>	<b>65.340.792.174</b>	<b>65.340.792.174</b>	<b>92.090.938.397</b>	<b>92.090.938.397</b>
<b>Phải trả người bán là các bên liên quan</b>	<b>30.008.416.074</b>	<b>30.008.416.074</b>	<b>45.368.055.184</b>	<b>45.368.055.184</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 792	13.492.714.069	13.492.714.069	16.818.483.711	16.818.483.711
- Công ty Cổ phần Công trình 793	145.553.302	145.553.302	4.838.543.274	4.838.543.274
- Công ty Cổ phần Công trình 798	6.020.616.073	6.020.616.073	1.390.015.066	1.390.015.066
- Công ty Cổ phần Công trình 875	298.265.240	298.265.240	6.246.882.543	6.246.882.543
- Công ty Cổ phần Công trình 879	8.350.816.180	8.350.816.180	9.929.126.322	9.929.126.322
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	-	-	1.443.862.089	1.443.862.089
- Công ty TNHH Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	221.259.536	221.259.536	219.404.683	219.404.683
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng hợp	1.479.191.674	1.479.191.674	4.481.737.496	4.481.737.496

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>a. Phải nộp</b>	<b>863.206.730</b>	<b>3.831.935.724</b>	<b>3.044.549.688</b>	<b>1.650.592.766</b>
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	485.084.315	1.261.424.008	1.727.272.727	19.235.596
- Thuế thu nhập cá nhân	129.078.017	48.275.959	58.223.046	119.130.930
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.522.235.757	1.259.053.915	1.263.181.842
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	249.044.398	-	-	249.044.398
	<b>01/01/2019</b>	<b>Số tạm nộp trong năm</b>	<b>Số đã thực thu/ khấu trừ trong năm</b>	<b>30/06/2019</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>b. Phải thu</b>	<b>419.389.011</b>	<b>272.325.863</b>	<b>-</b>	<b>691.714.874</b>
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	419.389.011	-	-	419.389.011
- Thuế thu nhập doanh nghiệp vãng lai từ chuyển nhượng bất động sản	-	272.325.863	-	272.325.863



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước ngắn hạn</b>	<b>21.230.356.719</b>	<b>21.995.590.845</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 792	658.859.701	746.859.701
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	573.333.622	1.590.594.500
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng huyện Núi Thành	12.000.000.000	12.000.000.000
- Ban QLDA KVCN GTVT Quảng Bình	4.198.789.341	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng thị xã Điện Bàn	2.365.514.000	4.690.000.000
- Công ty Cổ phần Đường sắt Thanh Hóa	1.000.000.000	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	433.860.055	2.968.136.644
	<b>21.230.356.719</b>	<b>21.995.590.845</b>
<b>Trong đó người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>	<b>1.232.193.323</b>	<b>3.537.343.187</b>
- Công ty Cổ phần Công trình 792	658.859.701	746.859.701
- Công ty Cổ phần Xây dựng công trình Đường sắt 796	-	1.199.888.986
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	573.333.622	1.590.594.500

**19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Trích trước chi phí các công trình	7.350.747.274	641.790.000
	<b>7.350.747.274</b>	<b>641.790.000</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
Bảo hiểm xã hội	-	14.804.599
Bảo hiểm y tế	6.134.947	9.213.167
Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.123.506
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	19.600.059.937	19.762.301.438
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	7.890.093.965	1.979.400.203
- Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	1.846.570.524	894.439.752
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp	3.100.000.000	-
- Tiền tạm ứng cá nhân chi quá	-	10.414.600
- Các khoản phải trả khác	943.523.441	1.074.545.851
<b>Cộng</b>	<b>27.496.288.849</b>	<b>21.766.842.913</b>
<b>Dài hạn</b>		
Kinh phí góp vốn đào tạo của Cán bộ Công nhân viên	114.500.000	125.500.000
<b>Cộng</b>	<b>114.500.000</b>	<b>125.500.000</b>
<b>Trong đó phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>-</b>
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp	3.100.000.000	-





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**22.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 3300101075, thay đổi lần thứ 18 ngày 12/06/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, vốn điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 154.573.830.000 đồng, chia thành 15.457.383 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Chi tiết các cổ đông góp vốn và số vốn đã góp như sau:

STT Cổ đông	30/06/2019		01/01/2019	
	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp	Tổng số vốn đã góp	Tỷ lệ vốn góp
	VND	%	VND	%
- Ông Tạ Hữu Diễn	29.436.570.000	19,04%	29.271.030.000	18,94%
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội	23.000.000.000	14,88%	23.000.000.000	14,88%
- Ông Đậu Hoàng Việt	9.979.430.000	6,46%	13.500.000.000	8,73%
- Ông Chu Quang Vũ	-	-	13.500.000.000	8,73%
- Ông Bùi Quang Thi	18.257.530.000	11,81%	-	-
- Các đối tượng khác	61.287.480.000	39,65%	75.302.800.000	48,72%
	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>100%</b>

**22.2 CỔ PHIẾU**

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
- Số lượng cổ phiếu được đã đăng ký phát hành	15.457.383	15.457.383
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.457.383	15.457.383
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.457.383	15.457.383
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.457.383	15.457.383
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.457.383	15.457.383
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**22.3 CÁC QUỸ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	137.680.581.234	137.680.581.234

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**22.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư	Thặng dư vốn	Quý đầu tư	Lợi nhuận sau thuế	Tổng cộng
	của chủ sở hữu	cổ phần	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2018</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>25.766.666.079</b>	<b>136.864.855.110</b>	<b>(21.102.467.499)</b>	<b>296.102.883.690</b>
- Lỗ trong năm	-	-	-	(81.644.673.077)	(81.644.673.077)
- Tăng khác (*)	-	-	815.726.124	-	815.726.124
<b>31/12/2018</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>25.766.666.079</b>	<b>137.680.581.234</b>	<b>(102.747.140.576)</b>	<b>215.273.936.737</b>
<b>01/01/2019</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>25.766.666.079</b>	<b>137.680.581.234</b>	<b>(102.747.140.576)</b>	<b>215.273.936.737</b>
- Lỗ trong kỳ	-	-	-	(12.408.259.763)	(12.408.259.763)
<b>30/06/2019</b>	<b>154.573.830.000</b>	<b>25.766.666.079</b>	<b>137.680.581.234</b>	<b>(115.155.400.339)</b>	<b>202.865.676.974</b>

(\*) Theo Quyết định số 828/QĐ-CTĐS-TCKT ngày 14/12/2018 về việc thu nguồn Quỹ đầu tư phát triển tại Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại tổng hợp và Công ty TNHH Vật tư đường sắt Đà Nẵng về Tổng Công ty Công trình đường sắt.

Theo Nghị quyết số 138/NQ-HĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông ngày 26/4/2018, thông qua việc cho phép sử dụng Quỹ Đầu tư phát triển (sử dụng số dư Quỹ dự phòng tài chính được sáp nhập vào Quỹ đầu tư phát triển tại ngày 01/01/2015 theo Thông tư 200/2014/TT-BTC) để bù lỗ lũy kế trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017. Tuy nhiên, đến ngày lập báo cáo tài chính, Công ty chưa thực hiện nội dung này.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Doanh thu</b>		
+ Cho thuê văn phòng	2.116.863.275	2.586.470.446
+ Cung cấp vật tư cho công ty con	26.144.944.972	1.099.839.258
+ Cho Công ty con thuê thiết bị, tài sản	3.348.667.701	4.494.920.661
+ Cung cấp dịch vụ	3.201.792.107	4.914.345.812
+ Bán vật tư cũ	-	288.000.000
+ Hoạt động xây lắp	14.478.704.545	39.148.026.596
	<b>49.290.972.600</b>	<b>52.531.602.773</b>
<b>Trong đó</b>		
<b>Doanh thu với các bên liên quan</b>	<b>30.320.571.764</b>	<b>7.413.384.112</b>
+ Công ty Cổ phần Công trình 791	378.342.240	192.212.728
+ Công ty Cổ phần Công trình 792	2.651.976.879	430.905.609
+ Công ty Cổ phần Công trình 793	4.398.791.950	818.742.209
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Đường sắt 796	7.647.140.623	454.004.226
+ Công ty Cổ phần Công trình 798	843.342.610	283.335.921
+ Công ty Cổ phần Công trình 875	4.090.193.048	1.081.052.541
+ Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây dựng Công trình 878	2.281.040.209	1.993.210.207
+ Công ty Cổ phần công trình 879	4.644.594.039	489.381.217
+ Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	1.846.539.948	77.978.000
+ Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng hợp	598.132.602	668.367.454
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	940.477.616	924.194.000

**24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Dịch vụ cho thuê văn phòng	1.240.041.552	48.294.768
- Cung cấp vật tư cho Công ty con	25.157.288.044	1.373.449.380
- Dịch vụ cho Công ty con thuê thiết bị, tài sản	809.569.886	1.152.325.619
- Cung cấp dịch vụ	1.266.675.178	2.793.719.494
- Bán vật tư cũ	-	129.819.600
- Hoạt động xây lắp	13.772.128.314	34.144.931.439
	<b>42.245.702.974</b>	<b>39.642.540.300</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.059.061	4.866.226
- Lãi thanh lý khoản đầu tư	-	1.750.000.000
- Lãi từ hoạt động liên danh	-	8.187.251.078
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.369.677.349	592.888.429
	<b>1.372.736.410</b>	<b>10.535.005.733</b>

**26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Chi phí lãi vay	9.424.768.188	12.245.629.222
- Lãi mua hàng hàng trả chậm	-	118.477.895
	<b>9.424.768.188</b>	<b>12.364.107.117</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập từ thanh lý Tài sản cố định	1.749.561.227	-
Thu nhập khác	322.272.734	9.227.818
<b>Cộng</b>	<b>2.071.833.961</b>	<b>9.227.818</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Tiền phạt nộp chậm thuế, bảo hiểm, chậm thanh toán	32.139.325	-
Các khoản chi phí khác	425.064.762	27.205.034
<b>Cộng</b>	<b>457.204.087</b>	<b>27.205.034</b>

**29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
- Chi phí nhân viên quản lý	4.373.135.354	4.005.060.144
- Chi phí vật liệu quản lý	336.565.025	222.493.718
- Chi phí đồ dùng văn phòng	7.251.000	13.508.493
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	2.321.202.440	3.401.616.002
- Thuế và các khoản lệ phí	1.170.349.523	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	1.027.860.647
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.672.849.637	4.518.294.911
- Chi phí khác bằng tiền	2.134.774.506	1.787.766.795
	<b>13.016.127.485</b>	<b>14.976.600.710</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**30. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí nguyên vật liệu	25.460.612.056	1.167.564.900
Chi phí nhân công	8.441.141.069	4.007.005.715
Khấu hao tài sản cố định	4.365.135.875	4.933.150.169
Chi phí dịch vụ mua ngoài	46.363.683.341	34.958.783.350
Chi phí bằng tiền khác	8.291.994.981	5.207.241.186
	<b>92.922.567.322</b>	<b>50.273.745.320</b>

**31. LÃI/LỖ CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trong trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu theo quy định của Chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(12.408.259.763)	(3.934.616.837)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(1.312.769.297)	(952.371.980)
<i>Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(1.369.677.349)	(963.504.516)
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	56.908.052	11.132.536
Thu nhập chịu thuế	(13.721.029.060)	(4.886.988.817)
<i>Thu nhập chịu suất 20%</i>	(13.721.029.060)	(4.886.988.817)
Chi phí thuế TNDN	-	-
<i>Chi phí thuế TNDN hiện hành tương ứng với thuế suất 20%</i>	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**33. BÊN LIÊN QUAN**

**33.1 SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết xem tại các thuyết minh sau:

- Thuyết minh số 6 “Phải thu của khách hàng”
- Thuyết minh số 7 “Trả trước cho người bán”
- Thuyết minh số 16 “Phải trả người bán”
- Thuyết minh số 18 “Người mua trả tiền trước”
- Thuyết minh số 20 “Phải trả khác”

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**33. BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)**

**33.2 NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Chi tiết bán hàng bên liên quan tại Thuyết minh số 23 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

Lợi nhuận được chia từ bên liên quan:

	Mối quan hệ	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<b>Lợi nhuận được chia</b>		<b>1.369.677.349</b>	<b>592.888.429</b>
- Công ty Cổ phần Đá Hoàng Mai	Công ty con	1.369.677.349	-
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Dịch vụ Tổng Hợp	Công ty con	-	512.654.351
- Công ty TNHH MTV Vật tư Đường sắt Đà Nẵng	Công ty con	-	80.234.078
<b>33.2 THU NHẬP CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>		<b>Từ 01/01/2019</b>	<b>Từ 01/01/2018</b>
		<b>đến 30/06/2019</b>	<b>đến 30/06/2018</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		393.000.000	267.717.763
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		432.500.000	197.439.063

**34. GIAO DỊCH QUAN TRỌNG**

**BÁN KHÁCH SẠN QUANG PHÚ**

Ngày 24/05/2019, Công ty đã hoàn thành thủ tục bán Khách sạn Quang Phú (đơn vị hạch toán phụ thuộc) cho Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Tuấn Phúc.

Tài sản thuần Khách sạn Quang Phú tại ngày thanh lý

	Số tiền
	VND
Tài sản cố định	84.805.198.539
Tài sản dài hạn khác	1.953.272.818
<b>Tài sản thuần</b>	<b>86.758.471.357</b>
<b>Tiền thu thuần từ thanh lý Khách sạn</b>	<b>86.363.636.364</b>
<b>Lỗ thanh lý Khách sạn</b>	<b>(394.834.993)</b>

**35. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trong Báo cáo tài chính cùng kỳ năm trước đã được soát xét và số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty đã được kiểm toán.



**Võ Văn Phúc**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2019

**Lê Đình Sơn**  
Kế toán trưởng

**Trương Thị Thanh Hương**  
Người lập